

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trường;
Bà Võ Thị Trúc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Huyền-Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5-Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Quảng Trị, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 109/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Trần Anh Q (tên gọi khác: **T**), sinh ngày 04/4/1987; tại tỉnh Quảng Trị; Số Căn cước công dân: 045087002497, cấp ngày 21/4/2022; nơi thường trú: **Tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần C** (đã chết) và bà **Trần Thị Kim M** (đã chết); gia đình có 08 anh, em-bị cáo là con thứ 06; Vợ: **Trịnh Thị Diệu D** – Sinh năm 1989 (đã ly hôn); con: Có 02 người con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/12/2010, bị **Công an tỉnh Q** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “*Kinh doanh hành nhập lậu*”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/12/2025 đến ngày 24/12/2025 chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam Đông Hà thuộc Trại tạm giam số 01, **Công an tỉnh Q** cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. Diêu Văn H, sinh ngày 12/3/1988, tại tỉnh Quảng Trị; Số Căn cước công dân: 045088004229, cấp ngày 25/6/2021; nơi thường trú: **Tổ dân phố G, phường N, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam con ông **Diêu Văn C1**, sinh năm 1964 và bà **Trần Thị Thiên H1**, sinh năm 1964, hiện trú tại **tổ dân phố G, phường N, tỉnh Quảng Trị**, gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 11/12/2018, bị **Công an thành phố Đ** (cũ) ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 10.600.000 đồng về hành vi “Kinh doanh hành nhập lậu” và “buôn bán hàng cấm”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/12/2025 đến ngày 24/12/2025 chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam Đông Hà thuộc Trại tạm giam số 01, **Công an tỉnh Q** cho đến ngày 13/5/2026, được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: **T**), sinh ngày 06/9/1998, tại tỉnh Quảng Trị; Số Căn cước công dân: 045098000128; nơi thường trú: **Thôn P, xã T, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Đ1**, sinh năm 1975 và bà **Đoàn Thị H2**, sinh năm 1976, hiện trú tại **thôn P, xã T, tỉnh Quảng Trị**, gia đình có 04 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình; Vợ: **Lê Thị Tiểu V** - Sinh năm 2002; con: Có 02 người con, con lớn sinh năm 2022, con nhỏ sinh năm 2025; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/12/2025 đến ngày 24/12/2025 chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam Đông Hà thuộc Trại tạm giam số 01, **Công an tỉnh Q** cho đến ngày 13/5/2026, được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

4. Đặng Minh T1 (tên gọi khác: **T2**), sinh ngày 10/9/1989, tại tỉnh Quảng Trị; Số Căn cước công dân: 045089003792, cấp ngày 11/8/2021; nơi thường trú: **Thôn H, xã A, tỉnh Quảng Trị**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Đặng Minh Đ2**, sinh năm 1950 và bà **Lê Thị C2**, sinh năm 1955, hiện trú tại **thôn H, xã A, tỉnh Quảng Trị**; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Vợ: **Dương Thị B** – Đã ly hôn; Con: Có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Ngày 24/7/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong (cũ) xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 13/7/2018, bị **Công an huyện T** (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000 đồng về hành vi “Xâm phạm sức khỏe người khác”.

Ngày 24/10/2018, bị **Công an huyện T** (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/12/2025 đến ngày 24/12/2025 chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam Đông Hà thuộc Trại tạm giam số 01, **Công an tỉnh Q** cho đến ngày 13/5/2026, được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn S, sinh ngày 01/6/1988, tại tỉnh Gia Lai; Số Căn cước công dân: 052088004816, cấp ngày 08/12/2021; nơi thường trú: **Khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai**; nơi ở hiện nay: **B, Quốc lộ I, phường N, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không

có; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Văn C3**, sinh năm 1966 và bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1961, hiện trú tại khu vực 2, **phường Q, tỉnh Gia Lai**; gia đình có 04 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/12/2025 đến ngày 24/12/2025 chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam Đông Hà thuộc Trại tạm giam số 01, **Công an tỉnh Q** cho đến ngày 13/5/2026, được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

6. Trần Đức T3, sinh ngày 12/01/1995, tại tỉnh Quảng Trị; Số Căn cước công dân: 045095000344, cấp ngày 13/4/2021; nơi cư trú: **Tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Quảng Trị**; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trần Xuân T4**, sinh năm 1968 và bà **Hoàng Thị Huyền T5**, sinh năm 1969, hiện trú tại **tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Quảng Trị**; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; vợ: **Đỗ Thị T6** (Đã ly hôn); con: có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/12/2025 đến ngày 24/12/2025 chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam Đông Hà thuộc Trại tạm giam số 01, **Công an tỉnh Q** cho đến ngày 13/5/2026, được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phan Thị M1**, sinh năm 1987; địa chỉ: **Thôn K, xã A, tỉnh Quảng Trị**; Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị H4**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Tổ A, khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai**; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/12/2025, **Trần Anh Q** đến **đường N, thuộc phường N, tỉnh Quảng Trị** gặp một người phụ nữ tên “Na” (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua 220 viên ma túy loại Methamphetamine với giá 2.700.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, **Q** đem về phòng trọ tại **số B đường L, thuộc khu phố T, phường N, tỉnh Quảng Trị**, chia nhỏ và cất giấu nhằm mục đích bán kiếm lời và sử dụng cho bản thân.

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 15/12/2025, **Đặng Minh T1** liên lạc với **Trần Anh Q** hỏi mua ma túy để sử dụng. **Q** đồng ý bán cho **T1** 20 viên ma túy loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, **T1** sử dụng tài khoản ví MoMo chuyển số tiền 500.000 đồng vào tài khoản **ngân hàng B2** số 8824521185 mang tên **Trần Anh Q**. Thời điểm này, **Nguyễn Văn Đ** đang ở nhà **T1**. **T1** nói với **Đ** đến phòng trọ của **Q** lấy 20 viên ma túy và hứa sau khi lấy được ma túy sẽ cho **Đ** 02 viên để sử dụng. Biết rõ mục đích **T1** nhờ đi lấy ma túy là để mang về sử dụng nên **Đ** đồng ý. **Đ** điều khiển xe mô tô Honda Vision màu đỏ, biển kiểm soát 74D1-196.98, là xe do chị **Phan Thị M1** cho **T1** mượn, đến phòng trọ của **Q**. Trước khi đi, **Đ** sử dụng điện thoại Redmi Note 7, số thuê bao 0768.574.252, gọi

đến số thuê bao 0973.301.674 của Q để hỏi địa chỉ. Q hướng dẫn Đặng đến phòng trọ số 7 tại số B đường L, thuộc khu phố T, phường N. Khi Đ đến nơi, Q nói: “Đồ anh bỏ ở cửa sổ, em lấy đi”. Đặng đi đến khu vực cửa sổ, thấy một gói nylon được quấn băng keo màu đen, biết bên trong là ma túy nên lấy gói ma túy rồi rời khỏi phòng trọ. Khi Đ điều khiển xe mô tô đến đoạn đường H giao với đường T, thuộc phường N, thì bị Tổ công tác Công an phường N phát hiện, bắt quả tang; thu giữ 20 viên ma túy loại Methamphetamine cùng các đồ vật có liên quan.

Sau khi biết Nguyễn Văn Đ bị bắt quả tang, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Đặng Minh T1 đã đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình.

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 15/12/2025, Nguyễn Văn S sử dụng tài khoản Facebook Messenger “Sơn Nguyễn” nhắn tin cho Trần Đức T3, sử dụng tài khoản Facebook Messenger “Trần Đức T3”, rủ T3 góp tiền mua ma túy để sử dụng. T3 đồng ý nhưng cho biết không có tiền. S nói sẽ bỏ 200.000 đồng để mua ma túy và sau khi mua sẽ cho T3 02 viên để sử dụng. Tuy nhiên, S không biết nơi mua ma túy. Sau đó, T3 sử dụng điện thoại iPhone Xs Max, số thuê bao 0985657807, nhắn tin đến số thuê bao 0973.301.674 của Q để hỏi mua ma túy. Q đồng ý bán và yêu cầu T3 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng B2 số 8824521185 mang tên Trần Anh Q. Sau khi trao đổi với Q, T3 chụp ảnh màn hình điện thoại thể hiện nội dung tin nhắn giữa T3 và Q về việc mua ma túy rồi gửi cho S, nhằm mục đích để S chuyển tiền mua ma túy cho Q. Nhận được hình ảnh do T3 gửi, S chuyển 200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng mang tên Trần Anh Q. Sau đó, S điều khiển xe mô tô Yamaha Mio màu đỏ, biển kiểm soát 74H1-7812, là xe do chị Nguyễn Thị H4 cho S mượn, đến phòng trọ của Q tại số B đường L, thuộc khu phố T, phường N, để nhận ma túy. Tại đây, Q trực tiếp giao cho S 07 viên ma túy loại Methamphetamine được bọc trong một mảnh nylon nhiều màu sắc. Nhận ma túy xong, S điều khiển xe rời khỏi phòng trọ. Khi S đi đến khu vực trước cổng Khu công nghiệp N thì bị Tổ công tác Công an phường N phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 07 viên ma túy cùng các đồ vật có liên quan.

Sau khi biết Nguyễn Văn S bị bắt quả tang và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Trần Đức T3 đã đến Cơ quan Công an đầu thú, khai nhận hành vi giúp sức cho S trong việc tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngoài các hành vi nêu trên, Q còn có hành vi trực tiếp sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của mình cụ thể: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 15/12/2025, trong lúc đang ở tại phòng trọ và sử dụng ma túy, Q đã sử dụng hết 03 viên ma túy. Cùng thời điểm này, Diêu Văn H gọi điện thoại nhờ Q đến khu vực ngã tư Đ - L, thuộc phường N, để đón H về phòng trọ chơi. Q đến đón H rồi cả hai cùng về phòng trọ của Q. Tại phòng trọ, Q và H lên khu vực gác lửng ngồi chơi. H nhìn thấy giữa sàn có 10 viên ma túy loại Methamphetamine để trong một nắp nhựa, bên cạnh có bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm một chai nhựa bên trong có chứa nước, trên thân chai có đục lỗ và gắn một tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng do

Ngân hàng N2 phát hành được quán thành ông; một xeng được làm từ vỏ bao kẹo và một bật lửa màu đỏ. Biết **Q** đang sử dụng ma túy, **H** nói “Cho tau chơi với” và đưa cho **Q** 100.000 đồng để góp tiền mua ma túy sử dụng chung. Tuy nhiên, số tiền này sau đó **Q** sử dụng để mua thức ăn. Trong quá trình sử dụng ma túy, **Q** lấy ma túy đặt lên xeng rồi dùng bật lửa đốt để sử dụng, còn **H** cầm chai nhựa để sử dụng. Khi đến lượt **Q** sử dụng thì **H** cầm bật lửa đốt ma túy cho **Q**. Như vậy, **Q** và **H** đã cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của **Q**. Đến khoảng 18 giờ 15 phút ngày 15/12/2025, khi **Q** và **H** đang sử dụng ma túy thì bị Tổ công tác **Công an phường N** phát hiện, bắt quả tang. Cơ quan Công an thu giữ 06 viên ma túy loại Methamphetamine, trong đó có 01 viên bị cháy xém, cùng các dụng cụ mà **Q** và **H** sử dụng để sử dụng ma túy.

Đồng thời, Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra, thu giữ tại phòng trọ của **Q** 180 viên ma túy loại Methamphetamine mà **Q** cất giấu nhằm mục đích bán cho người khác để kiếm lời.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Mio, màu đỏ, biển kiểm soát 74H1-7812.

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Vision, màu đỏ, biển kiểm soát 74D1-196.98.; Tình trạng: Đã qua sử dụng

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu trắng, số máy: MT5A2LL/A, số seri: F2LZDANJKPHD, IMEI: 353106105140006, bị vỡ mặt sau, đã qua sử dụng

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu trắng, số IMEI: 353895108643798, số IMEI2: 353895108582392, gắn thẻ sim số 8401240833250598, lưng máy bị vỡ, máy đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 ProMax, số máy: MYWX3VN/A , số Imei: 351361541250628, số Imei2: 351361541492246 , đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

+ 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu **S1** A7, màu vàng đồng, số IMEI1: 353465100119815, số IMEI2: 353466100119813, bị nứt vỡ mặt kính lưng, nứt vỡ màn hình, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu POCO C65, màu đen, số IMEI1: 868772072570901, số IMEI2: 868772072570919, bị nứt vỡ màn hình, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7, màu tím, số IMEI: 868931048096157, số IMEI2: 868931048296153, gắn thẻ sim số 84012507138

20653IDE và 01 thẻ sim số seri 8984048000049557530, máy đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong.

+ 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu Galaxy A02s, màu xanh tím, số IMEI1: 351864455051080, số IMEI2: 355795645051083, bị vỡ bung rời mặt lưng, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) hộp giấy niêm phong ký hiệu MV-1875, trên giấy niêm phong có đóng dấu **Phòng K Công an tỉnh Q** và có chữ ký xác nhận của Giám định viên - Điều tra viên (Có biên bản niêm phong kèm theo).

+ 01 (một) túi giấy niêm phong, ghi mã số MT1876 được dán kính, mặt trước và tại các mép túi niêm phong đóng dấu **Phòng K Công an tỉnh Q** và có chữ ký xác nhận của Điều tra viên - Giám định viên (Có biên bản niêm phong kèm theo).

+ Toàn bộ ma túy và bao gói còn lại sau giám định được đựng trong 01 (một) túi niêm phong có ký hiệu mã số MT1870, được dán kính, bên ngoài túi có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của **Phòng K Công an tỉnh Q** (Có biên bản niêm phong kèm theo).

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể: **Trần Anh Q, Diêu Văn H, Nguyễn Văn Đ, Đặng Minh T1, Nguyễn Văn S, Trần Đức T3**: Điều dương tính ma túy loại Methamphetamine.

- Tại bản kết luận số 1870/KL-KTHS ngày 22/12/2025 của **Phòng K Công an tỉnh Q** kết luận:

+ Mẫu 05 (năm) viên nén màu hồng (được niêm phong trong phong bì giấy, ký hiệu M2) gửi đến giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng mẫu là 0,54g (không phải năm bốn gam).

+ Mẫu 01 (một) viên nén màu hồng bị cháy xém (được niêm phong trong phong bì giấy, ký hiệu M2) gửi đến giám định là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng mẫu là 0,11g (không phải một một gam).

- Tại bản kết luận số 1875/KL-KTHS ngày 23/12/2025 của **Phòng K Công an tỉnh Q** kết luận:

+ Tìm thấy có chất ma túy, loại Methamphetamine trên bề mặt các mẫu vật: 02 (ba) mảnh giấy kẽm, chai nhựa trong suốt, nắp nhựa hình tròn trong suốt được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu DC; tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng.

- Tại bản kết luận số 1876/KL-KTHS ngày 23/12/2025 của **Phòng K Công an tỉnh Q** kết luận:

+ Mẫu 180 (một trăm tám mươi) viên nén hình trụ tròn, màu hồng, (mẫu được bỏ trong túi nilon trong suốt, niêm phong trong phong bì, ghi ký hiệu M1) gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu là 19,31g (mười chín phẩy ba một gam).

+ Mẫu 20 (hai mươi) viên nén hình trụ tròn, màu hồng, (mẫu được bỏ trong túi nilon trong suốt, niêm phong trong phong bì, ký hiệu MT1) gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng mẫu là: 2,16g (hai phẩy mười sáu gam).

+ Mẫu 07 (bảy) viên nén hình trụ tròn, màu hồng, (M2 được bỏ trong túi nilon trong suốt trong một phong bì thư và được niêm phong trong phong bì, ghi ký hiệu MT2) gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu là: 0,76g (không thấy bảy sáu gam).

Cáo trạng số 65/CT-VKSKV5 ngày 31/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Quảng Trị, truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Minh T1, Nguyễn Văn S, Trần Đức T3 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2025; Bị cáo Trần Anh Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2025; Bị cáo Trần Anh Q và Diêu Văn H bị truy tố về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận về hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình mong Hội đồng xét xử, giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Minh T1, Nguyễn Văn S, Trần Đức T3 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Tuyên bố bị cáo Trần Anh Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Tuyên bố bị cáo Trần Anh Q và Diêu Văn H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Anh Q từ 09 (chín) năm – 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2025, đề nghị xử phạt: Bị cáo Đặng Minh T1 từ 03 (ba) năm 09 (chín) tháng – 04 (bốn) năm tù,

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2025, đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 03 (ba) năm 07 (bảy) tháng – 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2025, đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S: 03 (ba) năm 04 tháng – 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù,

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2025, đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Đức T3 từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù,

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo **Điều Văn H** từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù,

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Trần Anh Q** 03 (Ba) năm 04 (Bốn) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) năm 04 (Bốn) tháng tù đến 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy những tài sản không có giá trị sử dụng và tịch thu sung công quỹ những tài sản là công cụ phương tiện phạm tội theo quy định của pháp luật, trả lại cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan những tài sản không liên quan đến vật chứng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Q**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, **Đặng Minh T1**, **Nguyễn Văn S**, **Trần Đức T3** hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản vụ việc; vật chứng thu giữ; Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Ngày 14/12/2025, **Trần Anh Q** mua của một người phụ nữ tên **N** 220 viên ma túy loại Methamphetamine với mục đích vừa sử dụng và bán kiếm lời. Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 15/12/2025, bị cáo **Q** bán cho **Đặng Minh T1** 20 viên ma túy với khối lượng 2,16 gam. Đến khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, **Q** bán cho **Nguyễn Văn S** 07 viên ma túy với khối lượng 0,76 gam. Ngoài ra, **Q** còn cất giữ 180 viên ma túy loại Methamphetamine với khối lượng 19,31 gam nhằm mục đích bán cho người khác để kiếm lời.

Như vậy, số ma túy **Q** đã bán và cất giữ nhằm mục đích bán gồm 20 viên có khối lượng 2,16 gam, 07 viên có khối lượng 0,76 gam và 180 viên có khối lượng 19,31 gam, tổng khối lượng là 22,23 gam Methamphetamine. Các hành vi bán ma

túy và cất giữ ma túy nhằm mục đích bán đều xuất phát từ số ma túy **Q** mua ngày 14/12/2025 để bán kiếm lời, được thực hiện trong cùng khoảng thời gian và đều thuộc ý chí phạm tội mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo. Do đó, có căn cứ xác định tổng khối lượng 22,23 gam Methamphetamine là khối lượng ma túy thuộc hành vi mua bán trái phép chất ma túy của **Trần Anh Q**. Với khối lượng này, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam, quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán ma túy từ 02 lần trở lên nên còn thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo **Trần Anh Q** đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Vào lúc 09 giờ 45 phút ngày 15/12/2025, tại đoạn **đường H giao với đường T** Sở thuộc phường N, tỉnh Quảng Trị, **Nguyễn Văn Đ** có hành vi tàng trữ 2,16 gam ma túy loại Methamphetamine. Ma túy này có nguồn gốc do bị cáo **T1** nhờ bị cáo **Đ** đến nhà trọ của **Q** lấy và hứa hẹn sau khi lấy ma túy sẽ cho **Đ** 02 (hai) viên sử dụng, **Đ** biết rõ bị cáo **T1** nhờ lấy ma túy về để sử dụng vẫn đi lấy giúp. Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, **Đặng Minh T1** đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2025.

[2.3] Vào lúc 17 giờ 45 phút ngày 15/12/2025, tại khu vực trước cổng **Khu công nghiệp N**, **Nguyễn Văn S** có hành vi tàng trữ 0,76 gam ma túy loại Methamphetamine. Ma túy này có nguồn gốc do bị cáo **Trần Đức T3** liên hệ với **Q** để mua ma túy cho **Nguyễn Văn S**, sau đó **S** trực tiếp đến gặp **Q** lấy về để sử dụng, **S** hứa hẹn sau khi lấy ma túy sẽ cho **T3** 02 (hai) viên sử dụng. Vì vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo **Trần Đức T3**, **Nguyễn Văn S** đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2025.

[2.4] Khoảng 16 giờ ngày 15/12/2025, **Trần Anh Q** đang sử dụng ma túy tại phòng trọ thì **Diêu Văn H** đến, thấy **Q** có ma túy và dụng cụ sử dụng nên **H** đưa **Q** 100.000 đồng để cùng sử dụng. Trong lúc đang sử dụng thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Hành vi của **H** thể hiện bị cáo biết rõ việc sử dụng ma túy của **Q** nhưng vẫn tự nguyện tham gia, góp tiền và hỗ trợ việc sử dụng. Do đó, có căn cứ xác định **H** đồng phạm với **Q** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Vì vậy, hành vi của **Trần Anh Q** và **Diêu Văn H** đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, hành vi của các bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, **Đặng Minh T1**, **Nguyễn Văn S**, **Trần Đức T3** đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2025; Bị cáo **Trần Anh Q** đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2025; Bị cáo **Trần Anh Q** và **Diêu Văn H** đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 65/CT-VKSĐH, ngày

31/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Quảng Trị truy tố các bị cáo theo đúng tội danh và điều luật đã viện dẫn, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, động cơ dẫn đến việc phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn lý, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các yếu tố về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng chung cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo **Đặng Minh T1**, **Trần Đức T3**: Sau khi phạm tội nhận thức được hành vi của mình nên đã đến cơ quan công an đầu thú về hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy”; ngoài ra bị cáo **T1** có ba, mẹ là người có công với cách mạng (Ba, mẹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì), gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo **T3** có bà ngoại, bà nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, gia đình bị cáo cũng thuộc diện khó khăn (có xác nhận), bị cáo **T3** hiện đang bị tai nạn liệt dây thần kinh ở cánh tay. Do đó, các bị cáo **T1** và **T3** được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo **Diêu Văn H** và **Nguyễn Văn Đ**: Gia đình của các bị cáo **H** và **Đ** thuộc diện khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về mức hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò, mức độ tham gia và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo **Trần Anh Q** giữ vai trò chính, phạm tội nhiều lần nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc nhất. Đối với các bị cáo **Đặng Minh T1**, **Nguyễn Văn S**, mức hình phạt cần tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và vai trò của từng bị cáo. Đối với bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, xét vai trò giúp sức của bị cáo và đã đầu thú nên được xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đối với bị cáo **Trần Đức T3**, xét vai trò giúp sức, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã đầu thú và hiện mắc bệnh nặng phải điều trị, nên áp dụng mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp. Đối với bị cáo **Diêu Văn H**, xét vai trò thấp, mức độ tham gia hạn chế và các tình tiết giảm nhẹ, áp dụng mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6] Việc xử lý đối tượng liên quan đến vụ án:

Đối với chị **Phan Thị M1** là người cho **Đặng Minh T1** mượn xe nhưng không biết **T1** giao cho **Nguyễn Văn Đ** đi lấy ma túy nên không xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án trong vụ án này.

Đối với chị **Nguyễn Thị H4** là người cho **Nguyễn Văn S** mượn xe nhưng không biết **S** sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với chị **Nguyễn Thị N1** chủ nhà trọ **số B, đường L** cho **Trần Anh Q** thuê trọ nhưng không biết việc **Q** bán ma túy và tổ chức sử dụng ma túy tại nhà trọ của mình nên không xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Đối với người phụ nữ tên **N** bán ma túy cho **Trần Anh Q**: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử không xác định được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: Ma túy và bao gói hoàn lại sau giám định tịch thu tiêu hủy toàn bộ.

Tịch thu sung công quỹ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu trắng thu giữ của **T3**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu trắng thu giữ của **S**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 ProMax thu giữ của **T1**; 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu POCO C65, màu đen của **Q**; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7, màu tím thu giữ của **Đ**; 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 VNĐ.

- Trả lại cho các bị cáo: những tài sản không sử dụng vào mục đích phạm tội gồm với 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu **S1** A7, màu vàng đồng của **H**; 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu Galaxy A02s, màu xanh tím của **Q**.

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển kiểm soát: 74D1-196.98, đây là xe của chị **Phan Thị M1** cho **T1** mượn không liên quan đến hành vi phạm tội của **T1** trong vụ án này nên cần trả lại cho chị **Phan Thị M1**; Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, màu đỏ, biển kiểm soát 74H1-7812 xe của chị **Nguyễn Thị H4** cho **S** mượn không liên quan đến hành vi phạm tội của **S** trong vụ án này nên cần trả lại cho chị **Nguyễn Thị H4**.

[8] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo **Q** thu lợi 700.000 đồng từ việc bán ma túy cho bị cáo **T1**, bị cáo **S** nên đây là khoản thu lợi do phạm tội mà có nên cần truy thu từ **Q** để nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố:

- Các bị cáo **Nguyễn Văn Đ**, **Đặng Minh T1**, **Nguyễn Văn S**, **Trần Đức T3** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo **Trần Anh Q** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo **Diêu Văn H** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Trần Anh Q** 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 15/12/2025.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2025, xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Văn Đ**: 03 (Ba) năm 07(B1) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2025 đến ngày 13/5/2026.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2025, xử phạt:

Bị cáo **Đặng Minh T1**: 03 (Ba) năm 07 (B1) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2025 đến ngày 13/5/2026.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2025, xử phạt:

Bị cáo **Nguyễn Văn S**: 03 (Ba) năm 04 (Bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2025 đến ngày 13/5/2026.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2025, xử phạt:

Bị cáo **Trần Đức T3**: 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2025 đến ngày 13/5/2026.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Diêu Văn H** 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2025 đến ngày 13/5/2026.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo **Trần Anh Q** 03 (Ba) năm 04 (Bốn) tháng. Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 12 (mười hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 15/12/2025.

2. Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo **Trần Anh Q** tiền thu lợi bất chính số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2025; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*** Tịch thu tiêu hủy gồm:**

- Toàn bộ ma túy, bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu MT 1870, được dán kính, bên ngoài túi có chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của **Phòng K Công an tỉnh Q** và 01 (một) túi giấy niêm phong, ghi mã số MT 1876 được dán kính, mặt trước và tại các mép túi niêm phong đóng dấu **Phòng K Công an tỉnh Q**.

- 03 mảnh giấy kẽm, 01 bật lửa gas màu đỏ, 01 chai nhựa trong suốt, 01 cái kéo bằng kim loại trong suốt được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu MV-1875, trên giấy niêm phong có đóng dấu **Phòng K Công an tỉnh Q**.

*** Tịch thu nộp ngân sách nhà nước gồm:**

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu trắng, số máy: MT5A2LL/A, số seri: F2LZDANJKPHD, IMEI: 353106105140006;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max, màu trắng, số IMEI: 353895108643798, số IMEI2: 353895108582392, gắn thẻ sim số 8401240833250598;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 ProMax, số máy: MYWX3VN/A, số Imei: 351361541250628, số Imei2: 351361541492246;

- 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu POCO C65, màu đen, số IMEI1: 868772072570901, số IMEI2: 868772072570919;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 7, màu tím, số IMEI: 868931048096157, số IMEI2: 868931048296153, gắn thẻ sim số 84012507138 20653IDE và 01 thẻ sim số seri 8984048000049557530;

- 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 VNĐ được niêm phong trong hộp giấy ký hiệu MV-1875.

*** Trả lại cho bị cáo gồm:**

- Trả lại cho **H**: 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu **S1** A7, màu vàng đồng, số IMEI1: 353465100119815, số IMEI2: 353466100119813 nhưng tạm giữ để thi hành án.

- Trả lại cho **Q**: 01 (một) điện thoại di động loại cảm ứng, hiệu Galaxy A02s, màu xanh tím, số IMEI1: 351864455051080, số IMEI2: 355795645051083 nhưng tạm giữ để thi hành án.

*** Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:**

- **Trả lại cho Phan Thị M1**: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Vision, màu đỏ, biển kiểm soát 74D1-196.98;

- **Trả lại cho Nguyễn Thị H4**: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha số loại Mio, màu đỏ, biển kiểm soát 74H1-7812.

(Vật chứng trên hiện có tại Kho vật chứng **Công an tỉnh Q**).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 5;
- C.quan CSĐT (PC03) CA tỉnh Q.Trị;
- Thi hành án dân sự Quảng Trị;
- Bị cáo, người có QLNVLQ;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Khánh Phương